



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP HHP Global

Ngày 30/09/2025	9,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.6%	3.3%	6.1%

DT thuần Q3/25
706
tỷ VNĐ
QoQ: ▼254 -26.5%
YoY: ▲ 213 43.2%

LN thuần Q3/25
13.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0 -45.1%
YoY: ▲ 9.19 218%

LN sau thuế Q3/25
9.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.89 -50.2%
YoY: ▲ 6.61 207%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
6.0%
YoY: +/-▲ 0.7%

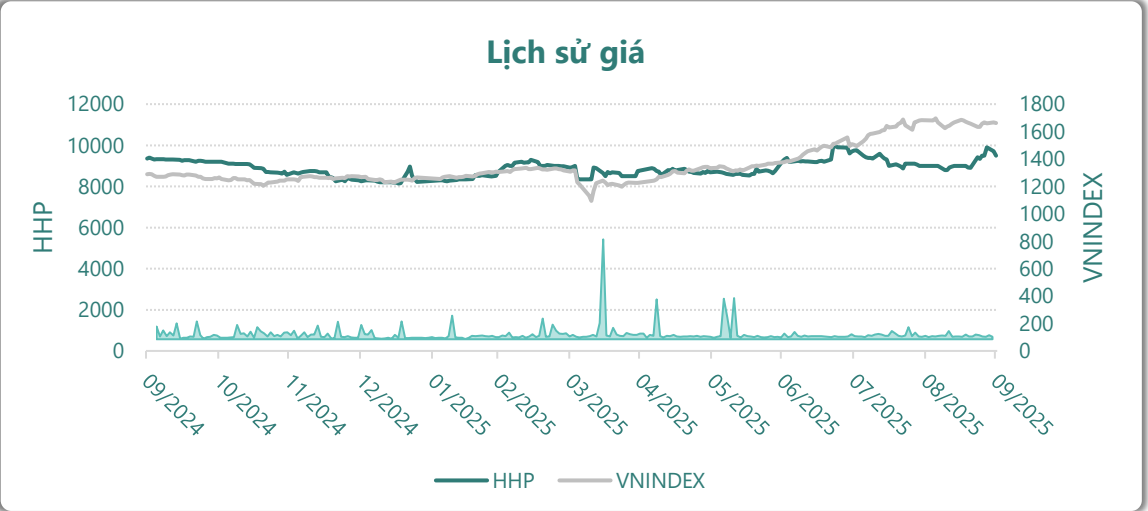
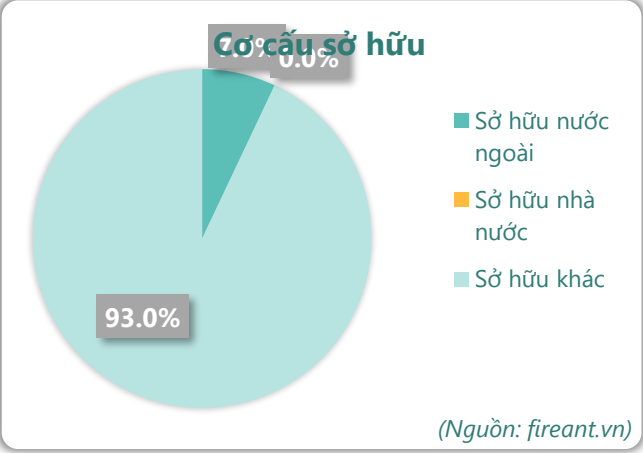
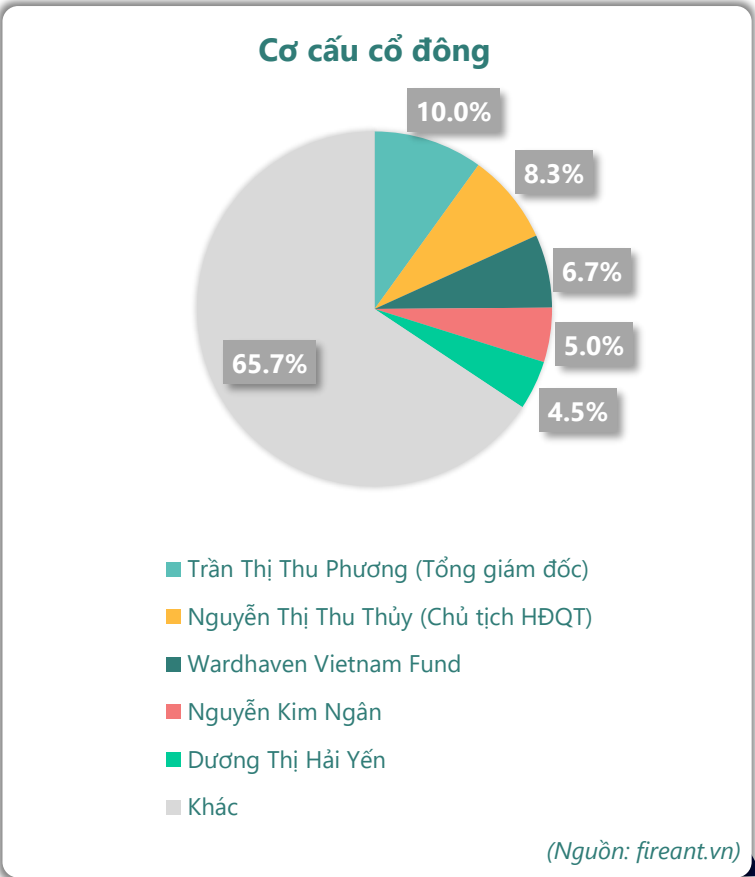
ROE (TTM) Q3/25
4.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,140 - 9,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	822
Số lượng CPLH (CP)	86,554,343
KLGD BQ 20 phiên (CP)	211,210
Sở hữu nước ngoài	7.0%
Beta	0.36
EPS	508
P/E	18.7

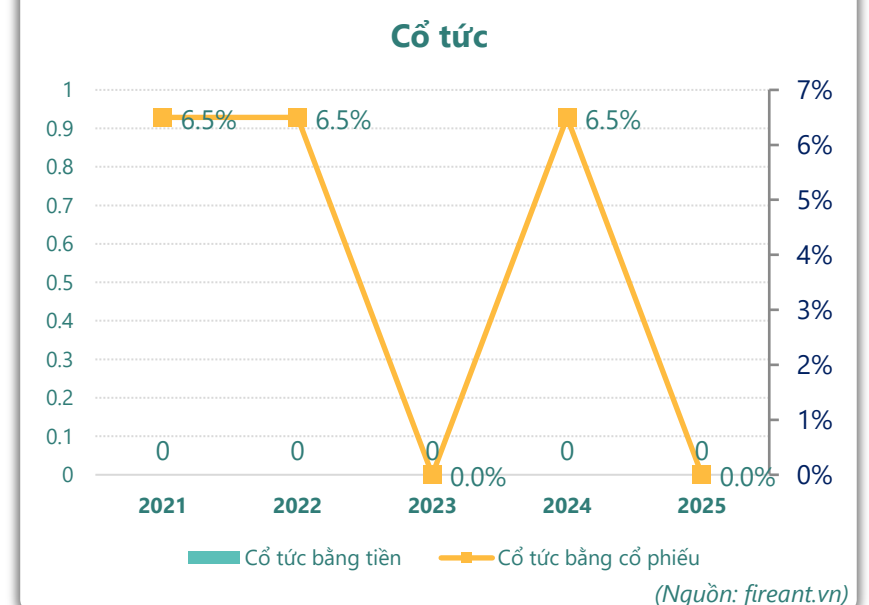
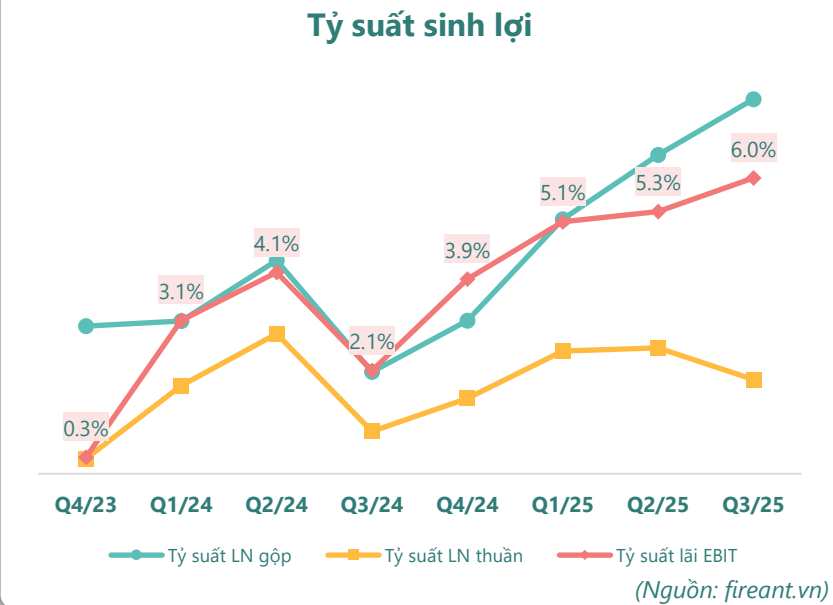
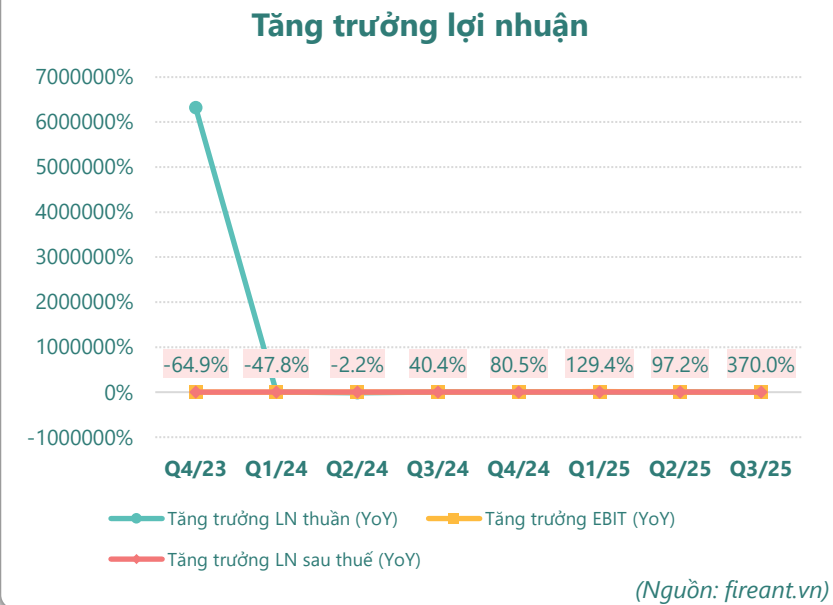
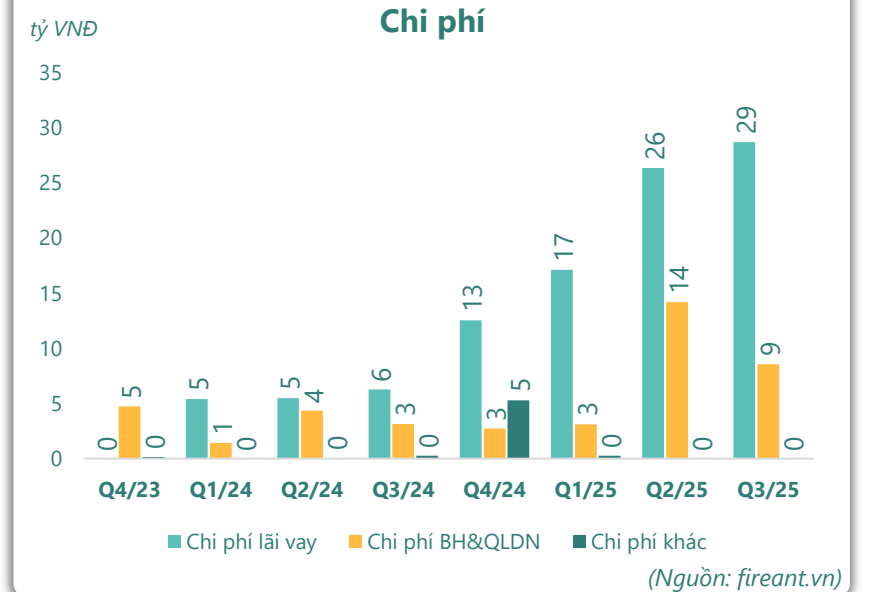
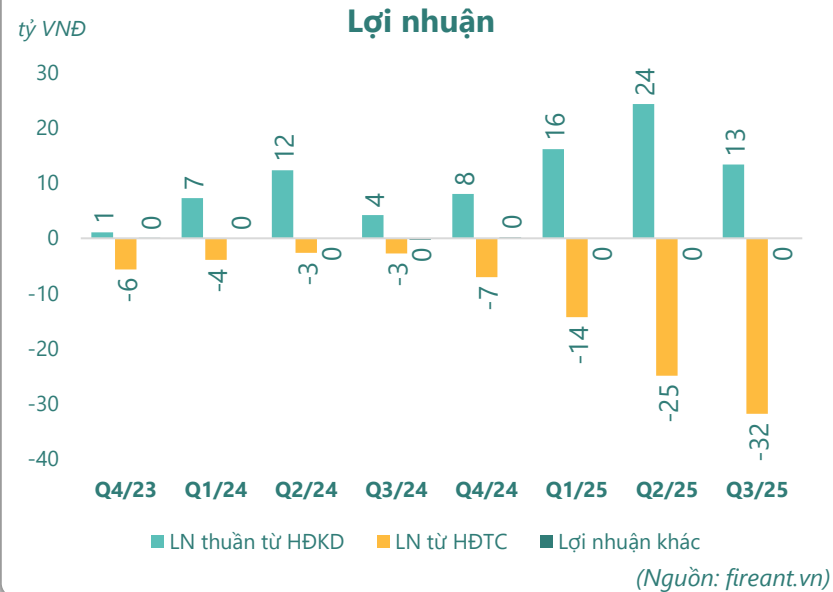
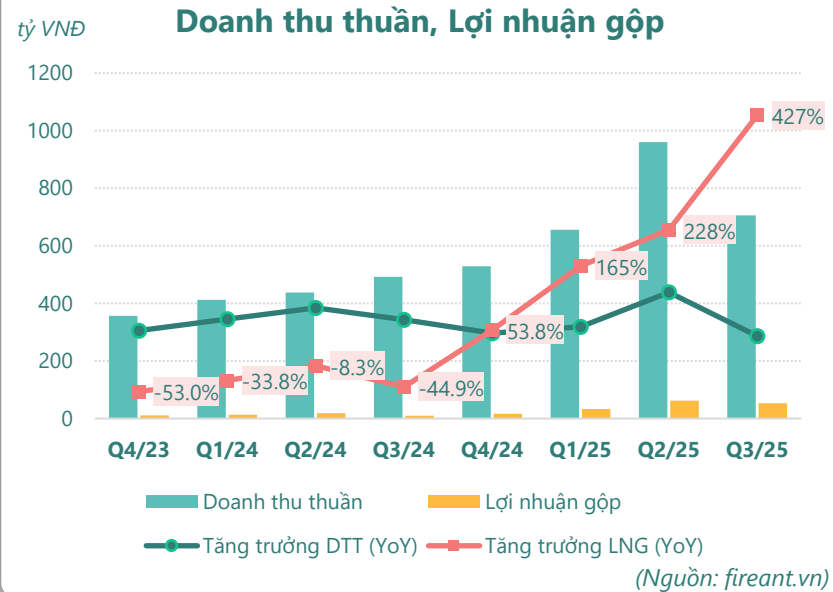
DT thuần 9T 2025
2,321
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 979 72.9%

LN thuần 9T 2025
54.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.1 126%

LN sau thuế 9T 2025
42.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.3 123%



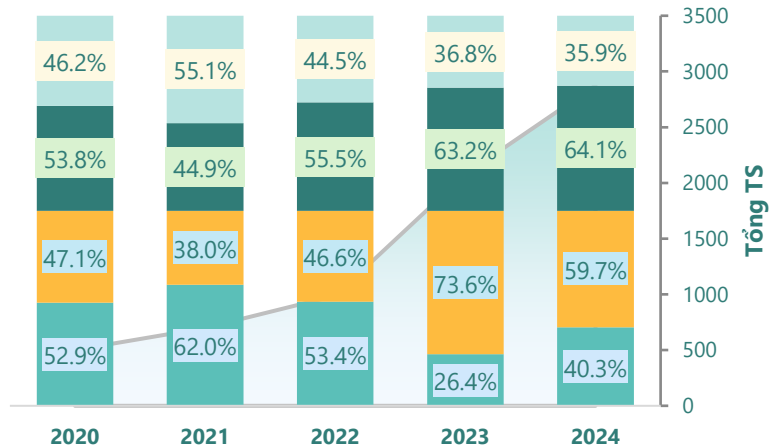
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

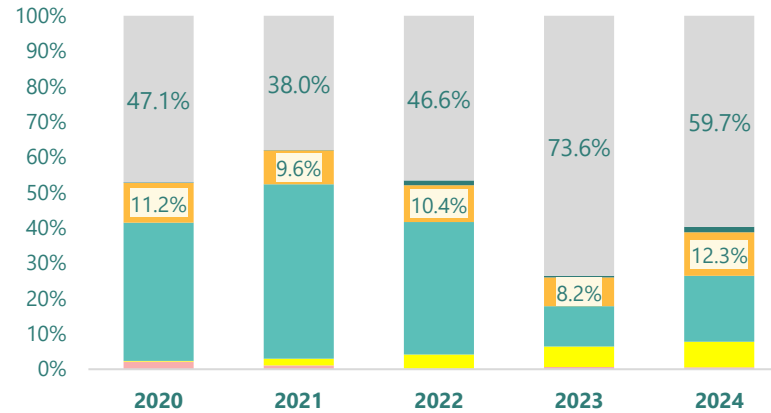
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



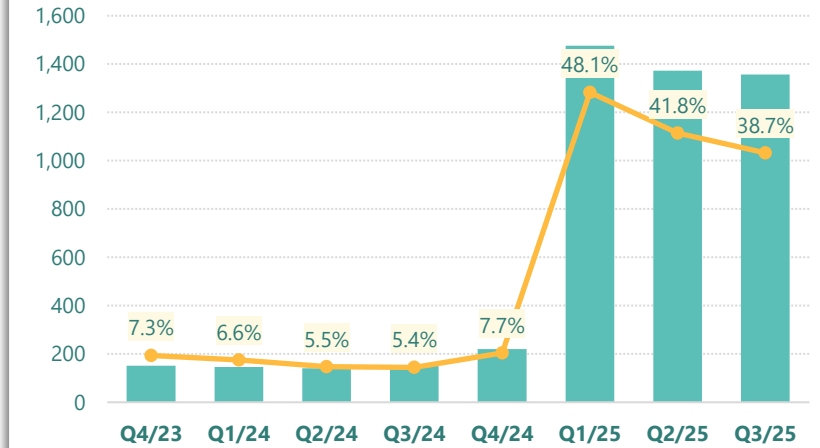
■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

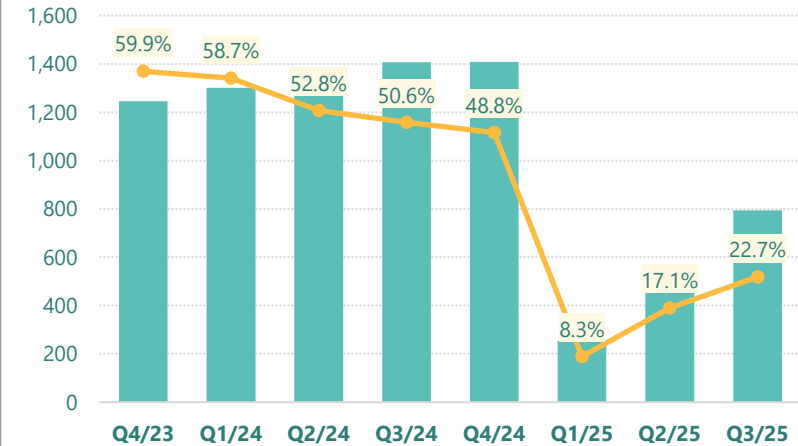


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

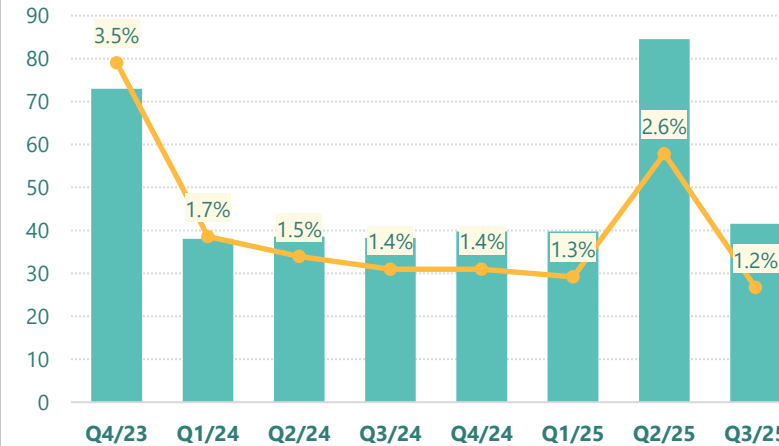


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

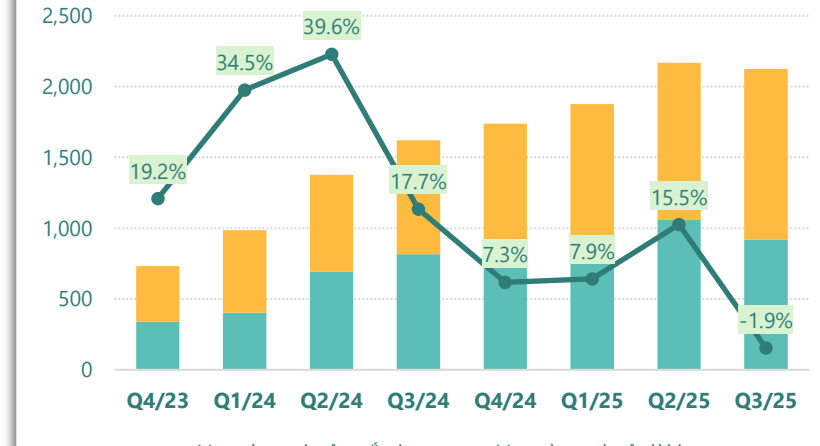


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

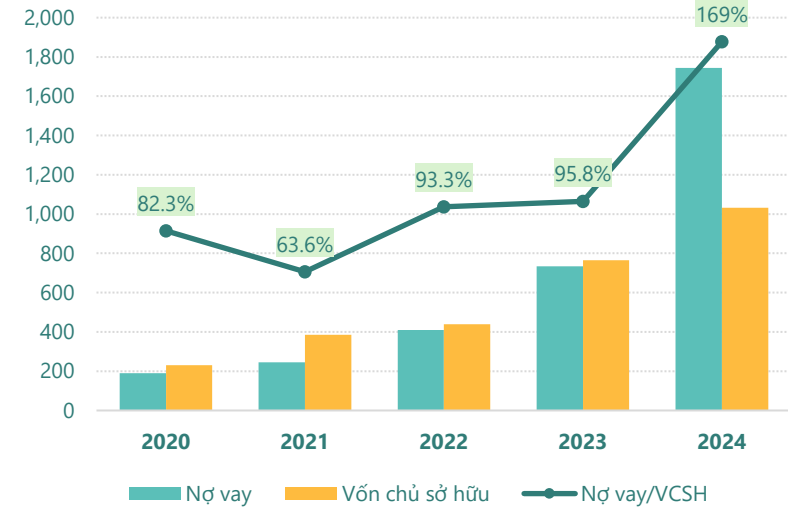
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

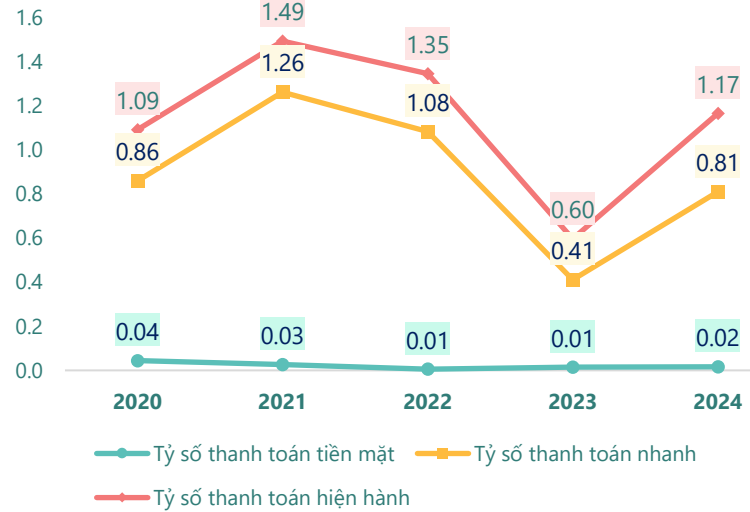
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



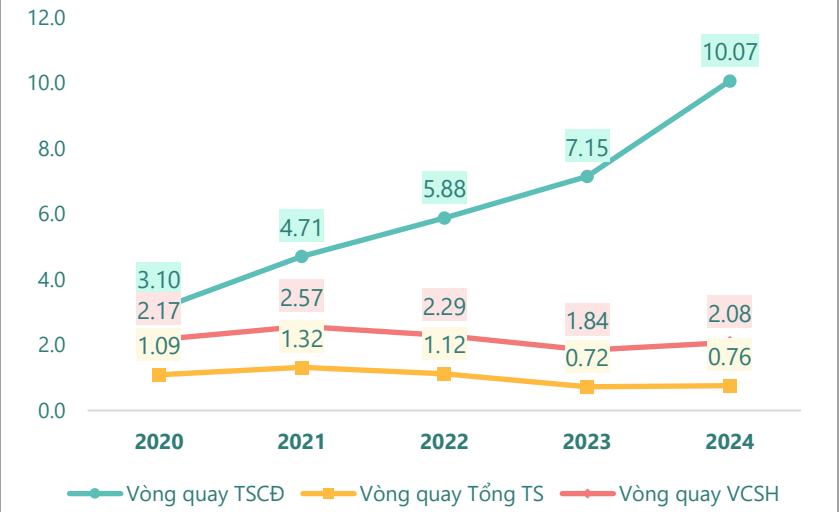
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



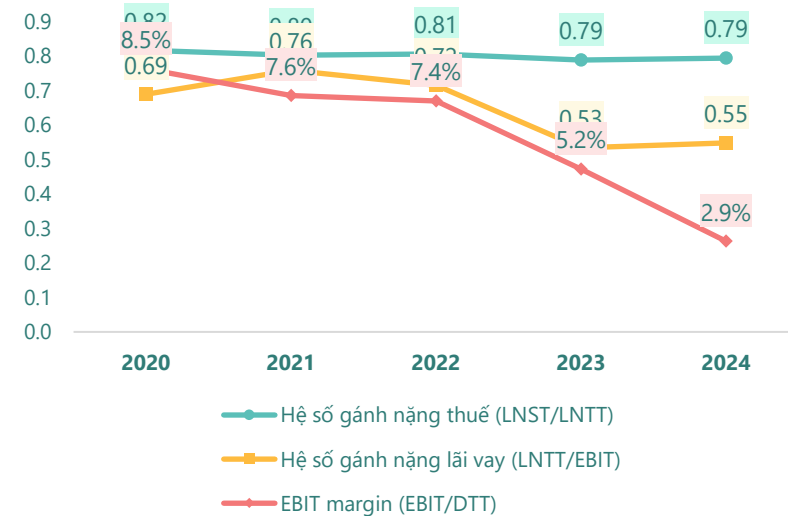
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



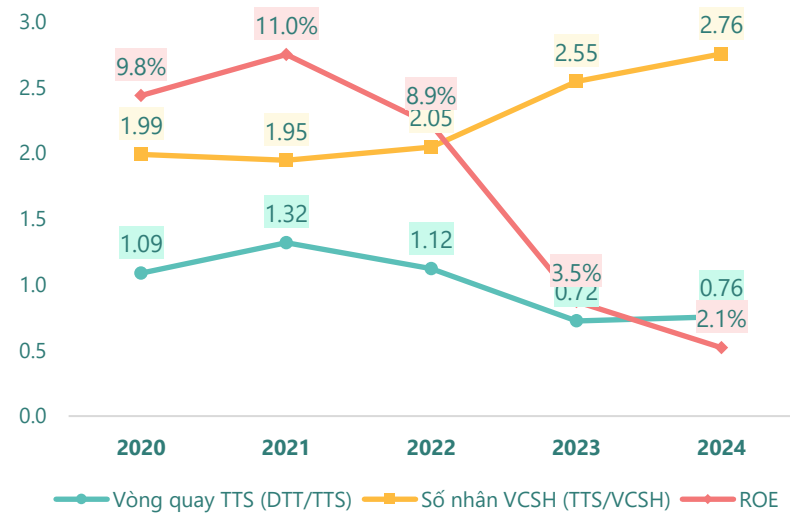
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



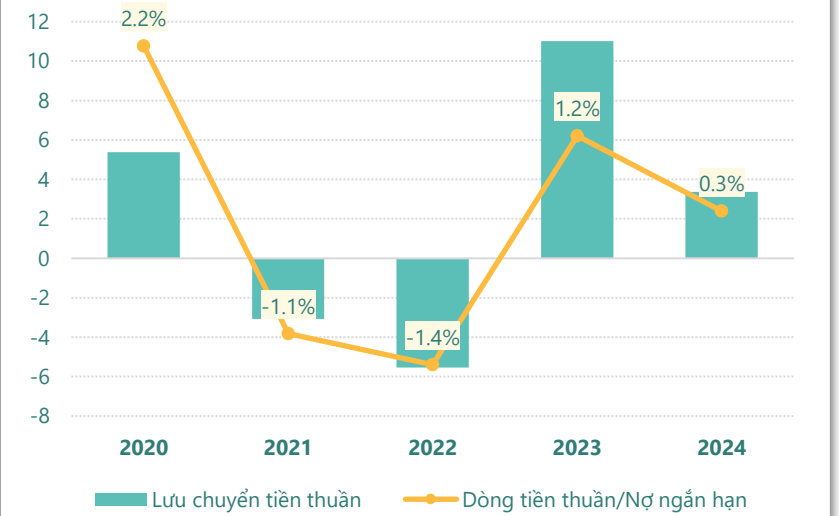
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	706	493	43.2%	2,321	1,342	72.9%
Giá vốn hàng bán	652	482	35.4%	2,172	1,300	67.1%
Lợi nhuận gộp	53.3	10.1	428%	149	41.7	257%
Doanh thu HĐTC	2.06	3.51	-41.3%	7.82	7.82	0.0%
Chi phí TC	33.9	6.28	440%	78.9	17.2	359%
Chi phí lãi vay	28.7	6.28	357%	72.3	17.2	321%
LN trong công ty LKLD	0.50	0.00		2.29	0.55	315%
Chi phí bán hàng	4.49	2.10	114%	12.9	4.59	181%
Chi phí QLDN	4.07	1.03	295%	13.0	4.35	198%
LN thuần từ HĐKD	13.4	4.21	218%	54.0	23.9	126%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.26	97.5%	-0.05	-0.29	82.1%
LN trước thuế	13.4	3.96	238%	53.9	23.6	128%
Lợi nhuận sau thuế	9.81	3.20	207%	42.3	19.0	123%
LNST của CĐ cty mẹ	9.65	2.31	318%	39.3	16.0	145%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-396	329	13.4	-58.1	-109	141
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-172	-599	-139	-122	-201	-70.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	590	255	119	181	310	-71.6
Tiền đầu kỳ	16.1	38.2	22.9	16.5	18.0	17.6
Lưu chuyển tiền thuần	22.1	-15.3	-6.66	1.02	0.07	-0.88
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	-0.04	0	0.41	-0.41	0.03
Tiền cuối kỳ	38.2	22.9	16.2	18.0	17.6	16.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,504	2,875	21.9%
Tài sản ngắn hạn	1,265	1,159	9.2%
Tiền và tương đương tiền	16.8	16.5	1.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	207	-100%
Phải thu ngắn hạn	800	537	49.0%
Hàng tồn kho	363	354	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	84.5	44.6	89.5%
Tài sản dài hạn	2,239	1,716	30.5%
Phải thu dài hạn	1.69	1.98	-14.5%
Tài sản cố định	1,356	221	515%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	794	1,408	-43.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	41.5	39.7	4.5%
Tài sản dài hạn khác	45.7	45.6	0.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,381	1,843	29.2%
Nợ ngắn hạn	1,176	994	18.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	920	896	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	110	69.6	58.3%
Nợ dài hạn	1,206	848	42.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,206	848	42.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,123	1,032	8.7%
Vốn chủ sở hữu	1,123	1,032	8.7%
Vốn điều lệ	866	866	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

